

BỘ 21 ĐỀ THI GIỮA KỲ 2 MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 1

ĐỀ SỐ 1

Thứ ngày tháng năm 2019

kiểm tra định kì lần 3

Môn: tiếng việt - lớp 1

Thời gian làm phần viết: 30 phút

Họ và tên: Lớp:

Giám thị:	Giám khảo:	Điểm			Lời phê của thầy cô giáo
		Đọc	Viết	Chung	
.....					

Phần A: Kiểm tra đọc (10 điểm)

1. (2 điểm) Học sinh đọc thành tiếng các vần:

uyên, oang, uynh, uya

2. (4 điểm) Học sinh đọc thành tiếng các từ ngữ:

huơ vôi, uống rượu, lúnh quýnh, giấy pơ-luya

3. (4 điểm) Giáo viên cho học sinh đọc một đoạn (khoảng 25 tiếng) trong các bài tập đọc từ tuần 25 đến tuần 27 sách Tiếng Việt 1 tập hai.

Phần B: Kiểm tra viết (10 điểm)

(Dành 1 điểm cho bài viết sạch, chữ đẹp)

1. (1 điểm) Điền âm đầu (chữ) vào chỗ chấm:

- **n** hay **l**: àng quê ;úa nếp

2. (2 điểm) Chọn vần thích hợp điền vào chỗ chấm:

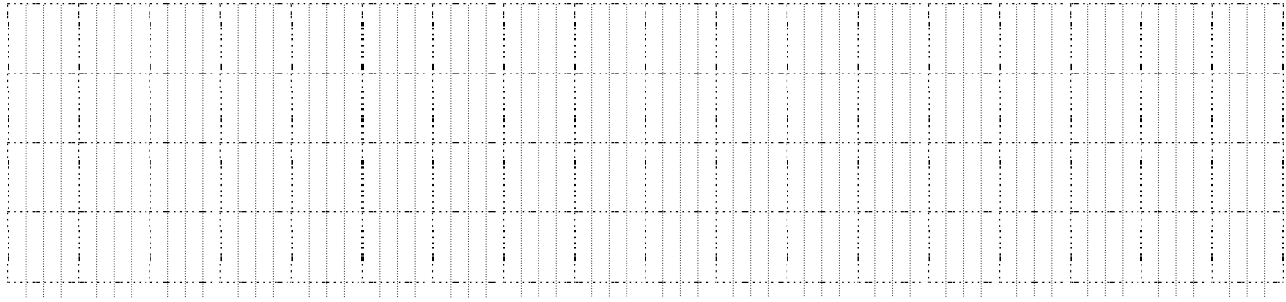
- **ương** hoặc **ươn**: vò t.....- **iêu** hoặc **ươu**: chim kh..... ,

vải th.....\

- **oang** hoặc **oan**: kh..... thuyền

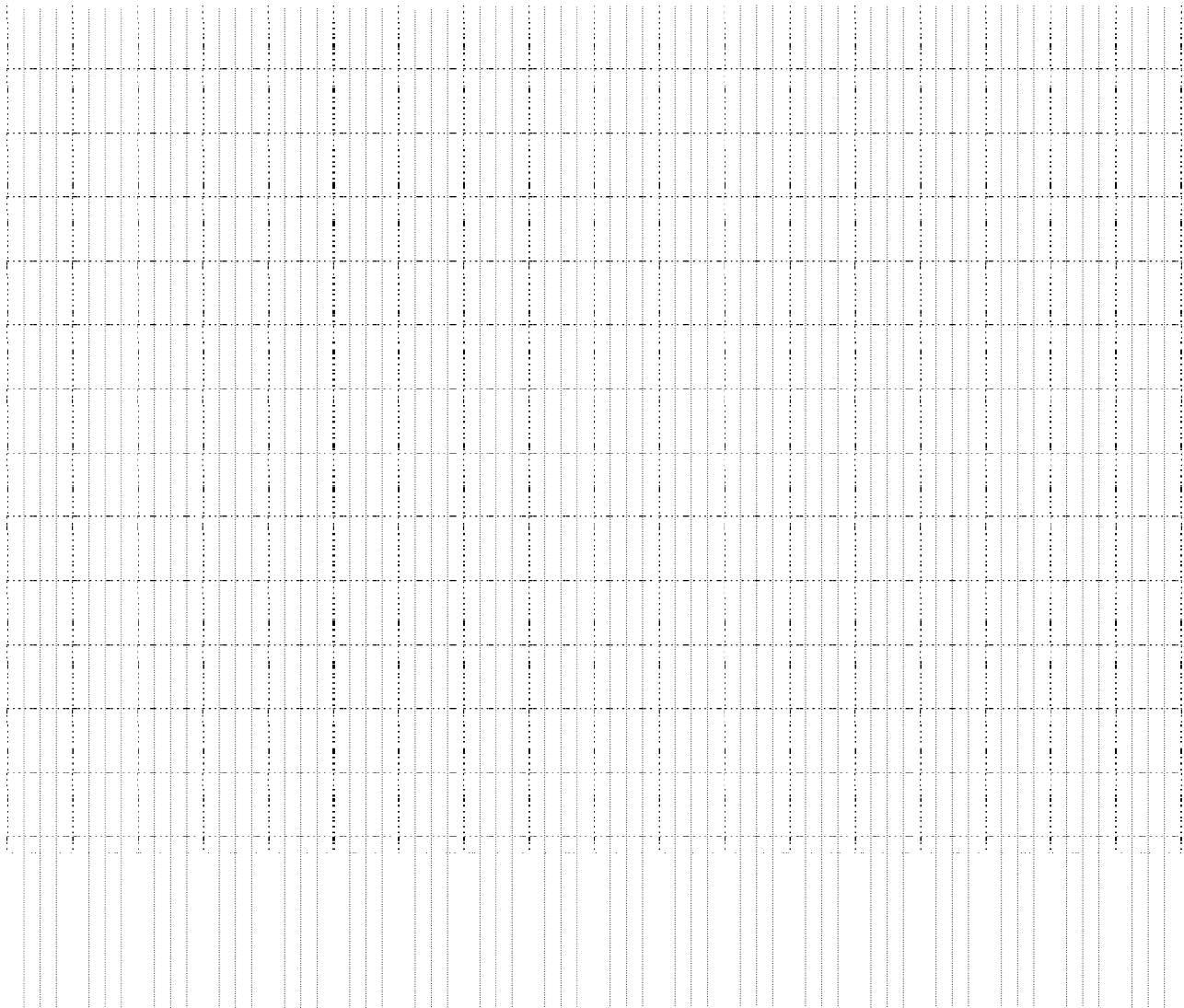
3. (2 điểm) Viết các từ ngữ sau:

luyện tập, hoà thuận, sản xuất, bóng chuyền.



4. Tập chép: (4 điểm)

**Mặt trời mọc rồi lặn
Trên đôi chân lon ton
Hai chân trời của con
Là mẹ và cô giáo.**



ĐỀ SỐ 2

Họ và tên:.....

BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Lớp.... Trường Tiểu học Vạn Phúc

Môn Tiếng Việt Lớp 1**PHẦN KIỂM TRA ĐỌC 10 điểm****I. Đọc thành tiếng (7 điểm)****1. Đọc vần (2 điểm) Mỗi vần đọc sai trừ 0,1 điểm**

uyên	uât	uya	oe	oăt
oanh	uê	uơ	urop	ôp
oan	oai	oat	oang	up
iệp	ăp	oong	oăn	uyêt

2. Đọc từ (2 điểm) (Mỗi tiếng đọc sai trừ 0,2 điểm)

trường học, cô giáo, thầy hiệu trưởng, chăm chỉ, Bác Hồ

học hành, giúp đỡ, lao động, quê hương, khen thưởng

3. Đọc câu 3 điểm (Mỗi tiếng đọc sai trừ 0,2 điểm)

Sách vở là đồ dùng học tập. Em phải giữ gìn cho sạch đẹp, không để bẩn, không để quần mếp. Ai biết quý sách vở đó là người học sinh ngoan.

II. Bài tập (3 điểm) (Thời gian 10 phút)**1. Gạch chân chữ viết sai**

ghế gỗ, ngọn gàng ngắn nắp, kon gà, quỏả na, cái mú len

2. Nối ô chữ thành câu

Chúng em

cây vối ruộng ra.

Chuồn chuồn

xếp hàng vào lớp.

Bé Mai

bay thấp thì mưa.

Tháng ba

giúp mẹ quét nhà.

PHẦN KIỂM TRA VIẾT 10 điểm

I. Giáo viên đọc cho học sinh viết bài *Bàn tay mẹ* Tiếng Việt 1 tập II trang 55. Đoạn “Bình yêu nhất....nấu cơm” 7 điểm Thời gian 15 phút

II. Em hãy viết một đoạn văn kể về người mẹ của em *2 điểm Thời gian 10 phút*

ĐỀ SỐ 3

Điểm KTĐK

Phiếu kiểm tra định kỳ lần 3

Môn: Tiếng Việt - Lớp 1

Họ và tên:Lớp:Trường:

Điểm KT đọc

1- Kiểm tra đọc: (Thời gian đọc và nói ô chữ cho mỗi HS tối đa là 10 phút. GV chỉ cho HS đọc phần a, b, c; yêu cầu HS nói phần d)

a- Đọc thành tiếng các vần:

ăp, iêp, oăt, uyê, ăng

b- Đọc thành tiếng các từ ngữ:

loay hoay, nhọn hoắt, khai hoang, thuở xưa, phụ huynh

c- Đọc thành tiếng các câu:

Hoa ban xoè cánh trắng

Lan tươi màu nắng vàng

Cành hồng khoe nụ thắm

Bay làn hương dịu dàng.

d- Nói ô chữ cho phù hợp:

Chú mèo mướp

thoai thoải

Dốc

mới toanh

Bộ quần áo

đang bắt chuột

ĐỀ SỐ 4

**PHÒNG GD & ĐT VIỆT TRÌ
TRƯỜNG TH THANH ĐÌNH**

BÀI KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GK II

MÔN: TIẾNG VIỆT - LỚP 1

Năm học:

Thời gian: 20 phút (không kể thời gian giao đề)

Họ và tên học sinh: Lớp:

Giám thị: Giám khảo:

Điểm:

Bằng số:

Bằng chữ:

1. Giáo viên đọc cho học sinh nghe - viết bài (theo phiếu bài viết):

2. Điền vào chỗ trống:

- c hay k: thướcẻ, ...á chép, ...ẻ chuyện, ụ già.
- d hay r: a vào, cặp ...a, đồùng, bậnộn.
- uya hay uê: đêm kh....., hoa h, xum x

ĐỀ SỐ 5

Trường tiểu học kim mĩ B

**Đề kiểm tra chất lượng Giữa kì II Môn: Tiếng
việt – lớp 1***(Thời gian làm bài 40 phút không kể thời gian giao
đề)***Họ và tên: Lớp 1**

Điểm:	Giáo viên coi:	Giáo viên chấm:
	1)	1)
	2)	2)

I. Kiểm tra đọc:**Điểm đọc:.....****A. Đọc thành tiếng:****B. Đọc thầm: Đọc thầm bài “Bàn tay mẹ”; và làm các bài tập sau:**

Bình yêu nhất là đôi bàn tay mẹ. Hằng ngày, đôi bàn tay của mẹ phải làm biết bao nhiêu là việc.

Đi làm về, mẹ lại đi chợ, nấu cơm. Mẹ còn tắm cho em bé, giặt một chậu tã lót đầy.

Bình yêu lắm đôi bàn tay rám nắng, các ngón tay gầy gầy, xương xương của mẹ.

1. Nối đúng.

Bình yêu nhất là	đi chợ, nấu cơm.
Bình yêu lắm	đôi bàn tay mẹ.
Mẹ còn tắm	đôi bàn tay rám nắng.
Mẹ lại	cho em bé.

2. Đánh dấu gạch chéo vào ô trống trước ý trả lời đúng:**a) Bàn tay mẹ làm những việc gì?**

- ☐ Đi chợ, nấu cơm.
☐ Tắm cho em bé.
☐ Ướt cây trong vườn.

b) Viết 3 tiếng có vần an:**c) Viết 3 tiếng có vần at:**

II. Kiểm tra viết:

Điểm viết:

1. Viết đúng chính tả bài **Hoa ngọc lan** đoạn “Từ đầu đến
..... xanh thẫm”.

2. a) Điền vần: **ăm** hay **ăp**:

bó t. th đèn c. sách ch học

b) Điền chữ: **g** hay chữ **gh**:

bé ... ái ế nhựa i chép ... ánh đỡ

ĐỀ SỐ 6

Trường tiểu học kim mĩ B

**Đề kiểm tra chất lượng Giữa kì II Môn: Tiếng
việt – lớp 1**

(Thời gian làm bài 40 phút không kể thời gian giao
đề)

Họ và tên: Lớp 1

Điểm:	Giáo viên coi:	Giáo viên chấm:
	1)	1)
	2)	2)

I. Kiểm tra đọc:

Điểm đọc:.....

A. Đọc thành tiếng:

B. Đọc thầm: Đọc thầm bài “**Hoa ngọc lan**”; và làm các bài tập sau:

ở ngay đầu hè nhà bà em có một cây hoa ngọc lan. Thân cây cao to, vỏ bạc trắng. Lá dày, cỡ bằng bàn tay, xanh thẫm.

Hoa lan lấp ló qua kẽ lá. Nụ hoa xinh xinh, trắng ngần. Khi hoa nở, cánh xoè ra duyên dáng. Hương lan ngan ngát, toả khắp vườn, khắp nhà.

Vào mùa lan, sáng sáng, bà thông cài một búp lan lên mái tóc em.

1. Nối đúng:

Thân cây	xinh xinh, trắng ngần.
Nụ hoa	ngan ngát.....
Lá hoa lan	cao, to, vỏ bạc trắng.
Hương lan	xanh thẫm.

2. Đánh dấu gạch chéo vào ô trống trước ý trả lời đúng:

a) Nụ hoa lan màu gì?

☐ bạc trắng. xa ☐ thẫm trắng n ☐

b) Hương hoa lan thơm như thế nào?

☐ thoang thoảng. ngào ☐ ạt ngan ngát. ☐

b) Viết 3 tiếng có vần ăm:

c) Viết 3 tiếng có vần ăp:

II. Kiểm tra viết:

Điểm viết:

Viết đúng chính tả bài **Nhà bà ngoại** và làm bài tập 2, 3 trang 66.

ĐỀ SỐ 7**KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II
(MÔN TIẾNG VIỆT)****A. Kiểm tra đọc: (4 điểm)****1. Đọc thành tiếng:(3 điểm)****Cái nhãn vở.**

Bố cho Giang một quyển vở mới. Giữa trang bìa là một chiếc nhãn vở trang trí rất đẹp. Giang lấy bút nắn nét viết tên trường, tên lớp, họ và tên của em vào nhãn vở.

Bố nhìn những dòng chữ ngay ngắn, khen con gái đã tự viết được nhãn vở.

2. Trả lời câu hỏi:(1 điểm)

Ghi dấu X vào ô trống trước ý trả lời đúng nhất:

a. Bạn Giang viết những gì trên nhãn vở?

- ☐ tên trường, tên lớp
- ☐ họ và tên của Giang
- ☐ tên trường, tên lớp, họ và tên của Giang.

b. Bố Giang khen bạn ấy thế nào?

- ☐ ngoan
- ☐ viết chữ đẹp
- ☐ đã tự mình viết được nhãn vở.

B. Kiểm tra viết:(6 điểm) (GV đọc cho HS viết.)**1. viết các từ ngữ(1 điểm):** quả xoài, loay hoay, chỗ ngoặt, mùa xuân, băng tuyết.**2. Viết đoạn văn(3 điểm):**

Bình yêu nhất là đôi bàn tay mẹ. Hằng ngày, đôi bàn tay của mẹ phải làm biết bao nhiêu là việc.

Đi làm về, mẹ lại đi chợ, nấu cơm. Mẹ còn tắm cho em bé, giặt một chậu tã lót đây.

3. Bài tập(2 điểm):

Điền vào chỗ chấm:

a. c hay k: con ...iến; quả ...à; ...ái chổi; ...iên nhãn.

b. d hay gi: ...ịu dàng; ...ó thối; ...a đình; cụ ...à.

ĐỀ SỐ 8

Điểm KTĐK	Phiếu kiểm tra định kỳ lần 3 năm học 2009-2010 Môn: Tiếng Việt - Lớp 1	
Họ và tên:Lớp:Trường:		
Điểm KT đọc	1- Kiểm tra đọc: (Thời gian đọc và nối ô chữ cho mỗi HS tối đa là 10 phút. GV chỉ cho HS đọc phần a, b, c; yêu cầu HS nối phần d)	
	a- Đọc thành tiếng các vần: ăp, iêp, oăt, uyê, ăng	
	b- Đọc thành tiếng các từ ngữ: loay hoay, nhọn hoắt, khai hoang, thuở xưa, phụ huynh	
	c- Đọc thành tiếng các câu: Hoa ban xoè cánh trắng Lan tươi màu nắng vàng Cành hồng khoe nụ thắm Bay làn hương dịu dàng.	
	d- Nối ô chữ cho phù hợp:	
	Chú mèo mướp	thoai thoải
	Dốc	mới toanh
	Bộ quần áo	đang bắt chuột
Điểm KT viết	II- Kiểm tra viết: (Thời gian viết: 25 phút)	
	+ Giáo viên đọc 5 vần, 4 từ ngữ (nhọn hoắt, khai hoang, thuở xưa, phụ huynh) và bốn câu thơ ở phần kiểm tra đọc cho học sinh viết.	

1. Vần:

2. Từ ngữ:

3. Câu thơ (GV hướng dẫn HS có thể chưa phải viết hoa chữ: H, L, C, B):

ĐỀ SỐ 9

Đề kiểm tra định kỳ Giữa học kỳ II

Môn: Tiếng Việt

I. Đề bài:

1. Kiểm tra đọc (10 điểm)

* Đọc và trả lời câu hỏi các bài:

Câu ứng dụng bài 102 (Tr41): Thứ năm vừa qua , lớp em tổ chứcvườn ươm về.

- Tìm tiếng trong bài có dấu hỏi, có vần uynh?

Bài: Trường em (đoạn 1,2) (Tr. 46)

- Trường học được gọi là gì?
- Trường học được gọi là ngôi nhà thứ hai vì

Bài : Tặng cháu (Tr. 49)

- Bác Hồ tặng vở cho ai?
- Bác mong các cháu làm điều gì?

Bài : Cái nhãn vở (Tr .52)

- Bạn Giang viết những gì trên nhãn vở?
- Bố khen bạn ấy thế nào?

2, Kiểm tra viết (10 điểm)

chỗ ngoặt	lưu loát
học toán	cây vạn tuế

Nhanh tay thì được

Chậm tay thì thua

Chân giậm giãvờ

Cướp cờ mà chạy

II, Hình thức kiểm tra:

1. Đọc:

Gọi Hs lần lượt lên bảng đọc 1 đoạn hoặc cả bài ; trả lời 1-2 câu hỏi trong đoạn , bài đọc theo y/câu của Gv (tốc độ đọc 25 tiếng / 1 phút).

2. Viết:

Gv viết các từ ngữ , bài ứng dụng lên bảng , y/cầu Hs nhìn bảng chép vào giấy .

(Hs viết chữ cỡ nhỏ).

III. Cách đánh giá , cho điểm:

1. Đọc (10 điểm):

*** Đọc:**

- Đọc đúng , lưu loát toàn bài tốc độ đọc 25 tiếng / 1 phút: 8 điểm .

Đọc sai hoặc không đọc được (dừng quá 5 giây/ từ ngữ): trừ 0,5 điểm .

- Trả lời đúng 1-2 câu hỏi về dấu thanh , vần dễ lẫn hoặc nội dung đoạn , bài đọc:
2 điểm .

*** Đáp án đúng cho các câu hỏi:**

- Trường học được gọi là ngôi nhà thứ hai của em .
- Trường học được gọi là ngôi nhà thứ hai vì ở trường có: cô giáo hiền như mẹ , có bạn bè thân thiết như anh em , trường học dạy em thành người tốt , trường học dạy em những điều hay .
- Bác Hồ tặng vở cho các bạn học sinh .
- Bác mong các bạn nhỏ ra công mà học tập để sau này giúp nước non nhà .
- Bạn Giang viết tên trường ,tên lớp , tên của giảng vào nhãn vở .
- Bố khen con gái đã viết được nhãn vở .

2. Viết (10 điểm)

- Viết đúng mẫu , đúng chính tả , tốc độ viết 25 tiếng / 15 phút: 8 điểm

Viết sai mẫu chữ hoặc sai chính tả mỗi chữ trừ: 0, 5 điểm .

- Viết sạch , đẹp , đều nét: 1 điểm

- Viết bản , không đều nét mỗi chữ trừ : 0,2 điểm .

ĐỀ SỐ 10**Bài kiểm tra Giữa học kỳ II năm học 2009 - 2010
Môn: tiếng việt Lớp 1****A. Đọc (10 điểm)****I. Đọc tiếng: (7 điểm)**

- * Học sinh đọc 1 trong các bài tập đọc sau:
- Trường em
 - Bàn tay mẹ
 - Cái nhãn vở
 - Hoa ngọc lan

II. Đọc hiểu: (3 điểm)

Câu 1(1điểm): Cho các từ(tặng; sau ; học tập; cháu). Em hãy chọn từ thích hợp điền vào chỗ chấm(...) từ để hoàn chỉnh bài thosau:

Tặng cháu

Vở này tacháu yêu ta
Tỏ chút lòng yêu gọi là
Mong cháu ra công mà
Mai..... cháu giúp nước non nhà
Hồ chí Minh

Câu 2(1điểm): Nối các ô chữ để tạo thành câu:

Bác Hồ

Cần chăm chỉ học tập để lớn lên giúp nước non nhà

Học sinh

mong các cháu ra công mà học tập

Câu3(1điểm): Tìm tiếng trong bài thơ “Tặng cháu” có vần: (1điểm)

- ai:.....
- au:.....

B. Viết(10 điểm) – 30 phút**1)Giáo viên đọc cho học sinh chép bài (6điểm) - 20phút**

Bàn tay mẹ

Bình yêu nhất là đôi bàn tay mẹ. Hằng ngày, đôi bàn tay của mẹ phải làm biết bao nhiêu là việc.

Đi làm về, mẹ lại đi chợ, nấu cơm. Mẹ còn tắm cho em bé, giặt một chậu tã lót đầy.

2)Bài tập: (4 điểm)- 10 phút**a)Điền chữ: g hay gh ?**

nhàa cáiế gầnũ i nhớ

b) Điền chữ: c hay k

cáiéo cái ...ốc que ...em con ...ò

ĐỀ SỐ 11

Thứ hai, ngày 28 tháng 2

BÀI ÔN TẬP SỐ 1 – TIẾNG VIỆT

I. Đọc –Hiểu:

Học sinh đọc thầm bài Trường em (SGK trang 46) và khoanh tròn vào ý trả lời đúng nhất trong các câu hỏi dưới đây:

1. Trường học trong bài được gọi là gì:

- a. Ngôi nhà thứ nhất b. Ngôi trường thứ hai c. Ngôi nhà thứ hai

2. Trường học trong bài có:

- Cô giáo hiền như mẹ
- Bạn bè thân thiết như anh em
- Cả a, b đúng.

3. Trong bài, trường học dạy em:

- Dạy vẽ, làm Toán, Tiếng Việt
- Dạy em thành người tốt, dạy em những điều hay.
- Cả a, b, c sai.

4. Câu: “Em rất yêu mái trường của em” nói lên

- Tình cảm của bạn nhỏ đối với ngôi nhà mình.
- Tình cảm của bạn nhỏ với ngôi trường của mình.
- Cả a, b đúng.

5. Trường của em tên là:

- a. Trường tiểu học hóa an b.Trường tiểu học Hóa An c.Trường tiểu học An Hòa

II. Đọc thành tiếng

Câu 1: Học sinh đọc bài Trường em – (SGK trang 46)

Câu 2: Học sinh trả lời câu hỏi trong SGK ứng với mỗi bài tập đọc. Phụ huynh lưu ý cho các em học thuộc câu trả lời và trả lời thành câu.

Câu 1: Trường học trong bài được gọi là gì?

Trả lời

(Trường học là ngôi nhà thứ hai của em.)

Câu 2: Trường học là ngôi nhà thứ hai của em vì:

Trả

lời:

.....

.....

.....

.....

(Ở trường có cô giáo hiền như mẹ, có nhiều bè bạn thân thiết như anh em. Trường học dạy em thành người tốt. Trường học dạy em những điều hay.)

ĐỀ SỐ 12

Thứ ba, ngày 1 tháng 3

BÀI ÔN TẬP SỐ 2 – TIẾNG VIỆT

1. Chính tả: Nghe viết đúng bài thơ Hoa cau

Hoa cau

Nửa đêm nghe ếch học bài
 Lúa thừa vài hạt mưa ngoài hàng cây
 Nghe trời trở gió heo may
 Sáng ra mặt nước rụng đầy hoa cau.

Trần Đăng Khoa

Câu 2. Bài tập

1. khoanh vào chữ cái trước từ sai chính tả.

a. quả chú **b.** con kiến **c.** Ngẫm nghĩ

Sửa lại cho đúng:

2. Điền vào chỗ chấm: v/d/gi

...ui về **dịu** ...àng ...àn mướp **bướm** ...àng

3. Tìm 2 tiếng:

- Có vần au:

- Có vần

ang:

ĐỀ SỐ 13

Thứ tư, ngày 2 tháng 3

BÀI ÔN TẬP SỐ 3 – TIẾNG VIỆT**I. Đọc – Hiểu:**

Đọc thầm bài “*Cái nhãn vở*” trang 52, SGK Tiếng Việt 1, tập 2. Đọc và khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng nhất trong các câu hỏi sau:

Câu 1: Bố cho Giang cái gì?

- a. Một quyển sách mới. b. Một quyển truyện mới.
c. Một quyển vở mới. d. Cả a, b, c đúng.

Câu 2: Chiếc nhãn vở trong bài nằm ở đâu?

- a. Bên phải quyển vở b. Ở giữa quyển vở
c. Ở giữa trang bìa của quyển vở. d. Ở góc trái quyển vở.

Câu 3: Bạn Giang viết những gì trong nhãn vở?

- a. Tên của Giang.
b. Tên trường, tên lớp và tên của Giang.
c. Tên trường, họ tên của Giang.
d. Tên trường, tên lớp, họ và tên của Giang.

Câu 4: Bố Giang khen bạn ấy thế nào?

- a. Bố khen Giang đã tự viết được nhãn vở.
b. Bố khen Giang viết nắn nót.
c. Bố khen Giang chữ viết ngay ngắn.

Câu 5: Câu nào viết đúng chính tả:

- a. giang nắn nót viết bài. b. Giang nắn nót viết bài. c. Giang lắn lốt viết bài.

Câu 6: Khi viết vào nhãn vở, em viết những gì?

- a. Tên trường, tên lớp, họ và tên của Giang.
b. Tên trường, tên lớp, họ và tên của em.
c. Tên trường, tên lớp của em.

II. Đọc thành tiếng**Câu 1:** Học sinh đọc bài *Cái nhãn vở* – (SGK trang 52)**Câu 2:** Học sinh trả lời câu hỏi trong SGK ứng với mỗi bài tập đọc. Phụ huynh lưu ý cho các em học thuộc câu trả lời và trả lời thành câu.**Câu 1:** Bạn Giang viết những gì trên nhãn vở?

Trả lời:

.....
.....
.....

(Bạn Giang viết tên trường, tên lớp, họ và tên của Giang vào nhãn vở.)

Câu 2: Bố Giang khen bạn ấy thế nào?

Trả lời:

.....
.....
.....

(Bố Giang khen con gái đã tự viết được nhãn vở)

ĐỀ SỐ 14**Thứ năm, ngày 3 tháng 3****BÀI ÔN TẬP SỐ 4 – TIẾNG VIỆT****I. Đọc – Hiểu:**

Đọc thầm bài “*Tặng cháu*” trang 49, SGK Tiếng Việt 1, tập 2. Đọc và khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng nhất trong các câu hỏi sau:

Câu 1: Bác Hồ tặng vở cho ai?

- a. Cho các bạn lớp em . b. Cho các bạn thiếu nhi.
c. Cả a, b sai. d. Cả a, b đúng.

Câu 2: Vì sao Bác Hồ tặng vở cho các bạn thiếu nhi?

- a. Vì các bạn không có vở viết bài. b. Vì các bạn học giỏi.
c. Vì Bác rất yêu thương các bạn thiếu nhi. d. Cả a, b, c đúng.

Câu 3: Bác mong các cháu làm điều gì?

- a. Mong cháu ra công mà học tập.
b. Mong cháu lớn lên học giỏi.
d. Mong cháu ra công học tập để mai sau giúp nước non nhà.

Câu 4: Tiếng nào trong bài có chứa vần au?

- a. Rau, cháu.
b. Cháu
c. Cháu, sau.

Câu 5: Tìm tiếng ngoài bài:

- Có vần ao:

- Có vần au:

Câu 6: Viết câu chứa tiếng:

- Có vần ao:

- Có vần au:

II. Đọc thành tiếng**Câu 1:** Học sinh đọc bài Tặng cháu – (SGK trang 49)

Câu 2: Học sinh trả lời câu hỏi trong SGK ứng với mỗi bài tập đọc. Phụ huynh lưu ý cho các em học thuộc câu trả lời và trả lời thành câu.

Câu 1: Bác Hồ tặng vở cho ai?

Trả lời:

(Bác Hồ tặng vở cho các bạn thiếu nhi)

Câu 2: Bác mong các cháu làm điều gì?

Trả lời:

..... (Mong cháu ra công mà học tập để mai sau giúp đỡ nước non nhà.)

ĐỀ SỐ 15

BÀI ÔN TẬP SỐ 5 – TIẾNG VIỆT

Câu 1. Nghe viết đúng chính tả trong bài thơ “ Chọc ếch” :

Chọc ếch

Em đi chọc ếch chiều nay

Giỏ không thoát đã đựng đầy tiếng kêu

Râm ran suốt cả trời chiều

Tiền hôm, em cũng hát theo một bài.

Câu 2. Bài tập: (2 điểm)

a. Điền vào chữ in nghiêng dấu hỏi hay dấu ngã (1 điểm):

con **ngông** **ve** tranh **ngghi** ngơi **ngu** ngon

b. Điền vào chỗ trống tr hay ch (1 điểm)

- Bà em hay đi ...ùa vào ngày Rằm. Bố hay uống ...à với bác Tư vào buổi ...iều.

c. Viết 3 từ mang vần:

-

anh:.....

.

- op:

.....

ĐỀ SỐ 16

TRƯỜNG TIỂU HỌC CHU VĂN AN

Đức An, ngày 04 tháng 03 năm 2019

LỚP 1

HỌ VÀ TÊN:.....

BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ -II

MÔN: TIẾNG VIỆT

(Thời gian: 40p)

Điểm

Nhận xét của giáo viên

--	--

Phần A: Kiểm tra đọc (10 điểm)

I. ĐỌC THÀNH TIẾNG (5 đ)

Học sinh đọc một đoạn (khoảng 25 tiếng/ phút) trong các bài tập đọc từ tuần 25 đến tuần 26 sách Tiếng Việt 1 tập hai.

II. ĐỌC HIỂU.(5đ) Đọc thầm bài tập đọc sau:

Cái nhón vở

Bố cho Giang một quyển vở mới. Giữa trang bìa là một chiếc nhón vở rất đẹp. Giang lấy bút nắn nót viết tên trường, tên lớp, họ và tên của em vào nhón vở.

Bố nhón những dòng chữ ngay ngắn, khen con gói đó tự viết được nhón vở.

Câu 1: Tôm trong bài tiếng cú vẫn:

ăn

ong.....

Khoanh trũn vào chữ cỏi đặt trước cõu trả lời ãng cho cõc cõu hỏi sau:

Câu 2: Bố cho Giang mún quà gỡ?

- a. Một cõy být.
- b. Một trang bĩa.
- c. Một quyển vở mới

Câu 3: Bạ Giang viết tên trường, tên lớp, họ và tên của em vào .

- a. Nhón vở.
- b. Trang bĩa.
- c. Giữa quyển vở.

Câu 4: Bạ Giang ãược bố khen vở:

- a .Cú quyển vở mới.
- b. Giang ãó tự viết ãược nhón vở.
- c. Nhón vở trang trở rất ãẹp.

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 2 LỚP 1
ĐỀ SỐ 17

I. Kiểm tra đọc (10 điểm)

1. Đọc đúng đoạn văn sau:

BÀN TAY MẸ

Bình yêu nhất là đôi bàn tay mẹ. Hằng ngày, đôi bàn tay của mẹ phải làm biết bao nhiêu là việc.

Đi làm về, mẹ lại đi chợ, nấu cơm. Mẹ còn tắm cho em bé, giặt một chậu tã lót đầy.

Bình yêu mẹ lắm đôi bàn tay rám nắng, các ngón tay gầy gầy, xương xương của mẹ.

2. Em hãy tìm trong bài và đọc tên những chữ có dấu ngã.

3. Mẹ làm những việc gì trong gia đình Bình?

4. Bàn tay mẹ như thế nào?

II. Kiểm tra viết (10 điểm)

1. Chép đúng chính tả đoạn văn sau:

HOA NGỌC LAN

Ở ngay đầu hè nhà bà em có một cây hoa ngọc lan. Thân cây cao to, vỏ bạc trắng. Lá dày, cỡ bằng bàn tay, xanh thẫm.

Hoa lan lấp ló qua kẽ lá. Nụ hoa xinh xinh trắng ngần. Khi hoa nở, cánh xòe ra duyên dáng. Hương lan ngan ngát, tỏa khắp vườn, khắp nhà.

2. Điền vào chữ in nghiêng **dấu hỏi** hay **dấu ngã** ?

a) ve tranh

b) sạch se

c) cửa sô

d) vung vàng

3. Điền vào chỗ trống **ng** hay **nh** ?

a)ỉ ngơi

b)ấm nghĩ.

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM

I. Kiểm tra đọc (10 điểm)

1. – Đọc đúng, lưu loát toàn bài, tốc độ khoảng 30 tiếng/phút (6 điểm)
– Đọc sai hoặc không đọc được (dừng quá 5 giây/từ ngữ): trừ 0,5 điểm.
2. Nêu đúng những chữ có dấu ngã (1 điểm)
Những chữ có dấu ngã trong bài là: tã
3. Trả lời đúng câu hỏi đơn giản về nội dung bài tập đọc (1,5 điểm)
Câu trả lời đúng là: đi làm, đi chợ, nấu cơm, giặt giũ...
4. Trả lời đúng câu hỏi (1,5 điểm)
Câu trả lời đúng là: bàn tay mẹ rám nắng, các ngón tay gầy gầy, xương xương.

II. Kiểm tra viết (10 điểm)

1. – Viết đúng mẫu chữ, đúng chính tả, tốc độ viết khoảng 30 chữ/15 phút (4 điểm).
– Viết sai mẫu chữ hoặc sai chính tả mỗi chữ: trừ 0,5 điểm.
– Viết sạch, đẹp, đều nét (2 điểm).
– Viết bẩn, xấu, không đều nét mỗi chữ: trừ 0,2 điểm.
2. – Làm đúng bài tập chính tả điền dấu thanh (2 điểm – đúng mỗi từ được 0,5 điểm).
– Những chữ in nghiêng được điền dấu thanh đúng như sau:
a) vẽ tranh
b) sạch sẽ
c) cửa sổ
d) vũng vàng.
3. Làm đúng bài tập điền âm (2 điểm, đúng mỗi câu được 1 điểm).
Bài tập làm đúng là:
a) nghỉ ngơi
b) ngắm nghĩ.

ĐỀ SỐ 18

I. Kiểm tra đọc (10 điểm)

1. Đọc đúng đoạn văn sau:

NÓI DỐI HẠI THÂN

Một chú bé đang chăn cừu bỗng giả vờ kêu toáng lên:

- Sói! Sói! Cứu tôi với!

Nghhe tiếng kêu cứu, các bác nông dân đang làm việc gần đấy tức tốc chạy tới. Nhưng họ chẳng thấy sói đâu.

Chú bé còn nói dối như vậy vài ba lần nữa. Cuối cùng, sói đến thật. Chú bé hoảng hốt gào xin cứu giúp. Các bác nông dân nghĩ chú nói dối như mọi lần nên vẫn thản nhiên làm việc. Bầy sói chẳng phải sợ ai cả. Chúng tự do ăn thịt hết đàn cừu.

Theo Lép Tôn-xtôi.

2. Tìm trong bài và đọc tên những chữ có vần *ưu*.

3. Chú bé chăn cừu đã làm gì để đánh lừa mọi người?

II. Kiểm tra viết (10 điểm)

1. Chép đúng chính tả đoạn văn sau:

SAU CƠN MƯA

Sau trận mưa rào, mọi vật đều sáng và tươi. Những đóa râm bụt thêm đỏ chói. Bầu trời xanh bóng như vừa được gội rửa. Mây đám mây bông trôi nhờn nhờn, sáng rực lên trong ánh mặt trời.

Mẹ gà mừng rỡ “tục, tục” dắt bầy con quây quanh vũng nước đọng trong vườn.

Theo Vũ Tú Nam.

2. Điền vào chữ in nghiêng **dấu hỏi** hay **dấu ngã**?

a) *nhon* như

b) gội *rư*a

c) mừng *rơ*

d) rộn *ra*

3. Điền vào chỗ trống **ây** hay **uây**?

a) Đàn gà con q..... quanh mẹ.

b) Đôi má em bé đỏ hây h.....

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM

I. Kiểm tra đọc (10 điểm)

1. – Đọc đúng, lưu loát toàn bài, tốc độ khoảng 30 tiếng/phút (6 điểm)
– Đọc sai hoặc không đọc được (dừng quá 5 giây/từ ngữ): trừ 0,5 điểm.
2. Nêu đúng những chữ có vần *ưu* (1 điểm)
Những chữ có vần *ưu* trong bài là: cừu, cứu.
3. Trả lời đúng câu hỏi đơn giản về nội dung bài tập đọc (3 điểm)
Câu trả lời đúng là:
Chú bé giả vờ kêu toáng lên:
- Sói! Sói! Cứu tôi với!

II. Kiểm tra viết (10 điểm)

1. – Viết đúng mẫu chữ, đúng chính tả, tốc độ viết khoảng 30 chữ/15 phút (4 điểm).
– Viết sai mẫu chữ hoặc sai chính tả mỗi chữ: trừ 0,5 điểm.
– Viết sạch, đẹp, đều nét (2 điểm).
– Viết bẩn, xấu, không đều nét mỗi chữ: trừ 0,2 điểm.
2. – Làm đúng bài tập chính tả điền dấu thanh (2 điểm – đúng mỗi từ được 0,5 điểm).
– Những chữ in nghiêng được điền dấu thanh đúng như sau:
a) nhớn nhor
b) giội rừa
c) mừng rờ
d) rộn rã
3. Làm đúng bài tập điền âm (2 điểm, đúng mỗi câu được 1 điểm).
Bài tập làm đúng là:
a) Đàn gà con quây quanh mẹ
b) Đôi má em bé đỏ hây hây.

ĐỀ SỐ 19

I. Đọc hiểu

- Bài đọc: TRƯỜNG EM (Sách Tiếng Việt 1 – Tập II – trang 46)
- Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Trong bài, trường học của em được gọi là gì?

- a) Ngôi nhà thứ hai của em.
- b) Nơi vui chơi thú vị.
- c) Nơi thư giãn của mọi người.

Câu 2: Trường học đem lại cho em những lợi ích gì?

- a) Dạy em những điều hay.
- b) Dạy em thành người tốt.
- c) Tất cả hai ý trên.

Câu 3: Vì sao em rất yêu mái trường?

- a) Ở trường có cô giáo hiền như mẹ, có nhiều bạn bè thân thiết như anh em.
- b) Trường học dạy em thành người tốt.
- c) Tất cả hai ý trên.

II. Kiểm tra viết

1. Nhìn sách viết đúng: bài *Trường em* (từ “Trường học là ngôi nhà thứ hai của em” đến “thân thiết như anh em”)

.....

.....

.....

.....

.....

2. Điền vào chỗ trống **ai** hoặc **ay**.

bàn t..., s..., quả, n... chuối, thợ m....

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM**I. Đọc hiểu (10 điểm)**

- Câu 1 (3 điểm) Khoanh vào a).
- Câu 2 (3 điểm) Khoanh vào c).
- Câu 3 (4 điểm) Khoanh vào c).

II. Kiểm tra viết

- a) Viết đúng mẫu chữ, đúng chính tả, tốc độ viết 30 chữ/15 phút (4 điểm).
 - b) Viết sạch, đẹp, đều nét (2 điểm).
2. Làm đúng bài tập chính tả (4 điểm – đúng mỗi từ được 1 điểm).
- Bài tập làm đúng là: bàn tay, sai quả, nải chuối, thợ may.

ĐỀ SỐ 20**I. Đọc hiểu**

- Bài đọc: HỒ GƯƠM (Sách Tiếng Việt 1 – Tập II – trang 118)
- Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Hồ Gươm là cảnh đẹp ở đâu?

- a) Hà Nội.
- b) Thành phố Hồ Chí Minh.
- c) Nghệ An.

Câu 2: Mặt hồ đẹp ra sao?

- a) Từ trên nhìn xuống, mặt hồ như chiếc gương bầu dục khổng lồ.
- b) Sáng long lanh.
- c) Cả hai ý trên.

Câu 3: Ở Hồ Gươm có những cảnh vật gì nổi bật?

- a) Cầu Thê Húc màu son, cong cong như con tôm.
- b) Mái đền lấp ló bên gốc đa già.
- c) Tháp Rùa, tường rêu cổ kính.
- d) Tất cả các ý trên.

II. Kiểm tra viết

1. Tập chép bài *Hồ Gươm* (từ “Cầu Thê Húc màu son” đến “cổ kính”).

.....

.....

.....

.....

2. Viết vào chỗ trống.

a) **uơ**m hay **uơ**p

giàn m..... đang trở hoa, đàn b..... bay rập rờn.

b) **uơ**n hay **uơ**ng

cô giảng bài t..... minh, con l..... đang trườn trên mặt cỏ.

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM**I. Đọc hiểu (10 điểm)**

Câu 1 (3 điểm) Khoanh vào a).

Câu 2 (3 điểm) Khoanh vào c).

Câu 3 (4 điểm) Khoanh vào d).

II. Kiểm tra viết

1. a) Viết đúng mẫu chữ, đúng chính tả, tốc độ viết 30 chữ/15 phút (4 điểm).

b) Viết sạch, đẹp, đều nét (2 điểm).

2. Làm đúng bài tập chính tả (4 điểm – đúng mỗi từ được 1 điểm).

Bài tập làm đúng là:

a) giàn mướp đang trở hoa, đàn bướm bay rập rờn.

b) cô giáo giảng bài tường minh, con lươn đang trườn lên mặt cỏ.

ĐỀ SỐ 21

I. Đọc hiểu

- Bài đọc: HAI CHỊ EM (Sách Tiếng Việt 1 – Tập II – trang 115)
 - Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.
- Câu 1: Cậu em làm gì khi chị gái đựng vào con gấu bông của mình?
- a) Đưa gấu bông cho chị.
 - b) Cùng chị chơi gấu bông.
 - c) Yêu cầu chị đừng động vào con gấu bông của mình.
- Câu 2: Khi ngồi chơi một mình, cậu em cảm thấy thế nào?
- a) Rất vui.
 - b) Rất buồn.
 - c) Rất thích thú.
- Câu 3: Câu chuyện về hai chị em cậu bé đã khuyên em điều gì?
- a) Thương yêu anh, chị, em trong gia đình.
 - b) Anh, chị, em phải nhường nhịn lẫn nhau.
 - c) Cả hai ý trên.

II. Kiểm tra viết

1. Nghe viết: bài *Hai chị em* (từ đầu đến “chị hãy chơi đồ chơi của chị ấy”)

.....

.....

.....

.....

2. Viết vào chỗ trống **et hoặc ăc**.

qui t.́..., bánh t.́..., sấm s.́..., sâu s.́...

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM

I. Đọc hiểu (10 điểm)

- Câu 1 (3 điểm) Khoanh vào c).
- Câu 2 (3 điểm) Khoanh vào b).
- Câu 3 (4 điểm) Khoanh vào c).

II. Kiểm tra viết

1. a) Viết đúng mẫu chữ, đúng chính tả, tốc độ viết 30 chữ/15 phút (4 điểm).
 - b) Viết sạch, đẹp, đều nét (2 điểm).
 2. Làm đúng bài tập chính tả (4 điểm – đúng mỗi từ được 1 điểm).
- Bài tập làm đúng là: qui tắc, bánh tét, sấm sét, sâu sắc.